

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

(1) *Tha thiết sống, bất chấp yêu ghét, lau sậy cũng trở bông. Bông cũng không níu kéo bất cứ cái nhìn nào. Lơ thơ. Nhợt nhạt. Chỉ trẻ con là chờ đợi mùa bông chín, mùa gió chướng thổi sòng, mùa áo mới, mùa Tết. Mảnh mai mình hạc, bông lau vươn cao óng mượt, trắng muốt giữa ngút ngàn bông sậy bạc đầu, chảy thành dòng rập rờn trong gió. Trên cái nền dòng sông bông chín, ông trời mặc sức vẽ gió, vẽ nắng lên.*

(2) *Bông lau, sậy đẹp nhất là lúc đang tàn, lúc đang phai. Dường như có vài thứ giống vậy, như mùa thu, pháo hoa, giao thừa, tiếng chuông chùa... lúc đẹp là lúc mất. Chẳng hiểu đẹp để mất hay vì biết sẽ mất nên đẹp. Gió chướng thông ngọn thì bông sậy lìa cây, vào khi ngọt ngào và mỹ miều nhất, rút lui, buông bỏ vào lúc vinh quang nhất. Nên tôi, trong vai người đứng ngắm, phải ngăn ngor nhớ tiếc. Đôi lúc nghĩ, có người nào dám và được rời đi nhẹ nhõm như cái bông sậy nhỏ nhoi này?*

(Trích *Yêu người ngóng núi*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 2022, tr.16-17)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định hai phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.

**Câu 2.** Vẻ đẹp của *bông lau* được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào ở đoạn văn (1)?

**Câu 3.** Theo tác giả, *bông lau, sậy đẹp nhất là lúc* nào?

**Câu 4.** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu văn sau: *Trên cái nền dòng sông bông chín, ông trời mặc sức vẽ gió, vẽ nắng lên.*

**Câu 5.** Chỉ ra yếu tố trữ tình trong đoạn (2) của văn bản.

**Câu 6.** Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong văn bản.

**Câu 7.** Cảm nhận của anh/chị về cái tôi trữ tình của tác giả được thể hiện trong văn bản. (Trình bày trong khoảng từ 5 đến 7 dòng).

**II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)**

**Chọn một trong hai đề sau:**

**Đề 1.** Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự lựa chọn thần tượng trong giới trẻ ngày nay.

**Đề 2.** Viết bài văn thuyết minh (khoảng 500 chữ) về hiện tượng sống ảo trong giới trẻ ngày nay.

===== HẾT =====

Câu	Nội dung	Điểm
<b>I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)</b>		
1	Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: miêu tả, biểu cảm, nghị luận <b>Hướng dẫn chấm:</b> - HS trả lời đúng được 02 phương thức đạt: 0,5 điểm; - HS trả lời sai hoặc không trả lời: không được điểm.	0,5
2	Vẻ đẹp của <i>bông lau</i> được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh: + mảnh mai mình hạc; + vươn cao óng mượt; + trắng muốt giữa ngút ngàn bông sậy bạc đầu; + chảy thành dòng rập rờn trong gió. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - HS trả lời đúng được 02 từ ngữ, hình ảnh đạt: 0,25 điểm; - HS trả lời đúng được 04 từ ngữ, hình ảnh đạt: 0,5 điểm;	0,5
3	Theo tác giả, <i>bông lau</i> , <i>sậy</i> đẹp nhất là lúc: + đang tàn; + đang phai. <b>Hướng dẫn chấm:</b> HS trả lời đúng mỗi nội dung đạt: 0,25 điểm.	0,5
4	- Biện pháp tu từ nhân hóa: <i>ông trời mặc sức vẽ gió, vẽ nắng</i> - Tác dụng: + giúp các sự vật <i>trời, gió, nắng</i> trở nên gần gũi, sinh động; + gợi ra vẻ đẹp giản dị, thơ mộng của bức tranh thiên nhiên; thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của tác giả; + tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - HS chỉ ra được biện pháp tu từ nhân hóa đạt 0,25 điểm; - HS chỉ ra được 01 ý trong tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa đạt 0,25 điểm; từ 02 - 03 ý đạt 0,75 điểm; - HS có cách diễn đạt tương đương vẫn đạt điểm tối đa.	1,0
5	Yếu tố trữ tình trong đoạn (2): + các từ ngữ thể hiện cảm xúc: <i>dường như; chẳng hiểu; hay vì biết; phải ngán ngơ nhớ tiếc; đôi lúc nghĩ...</i> + sự đồng cảm, trân trọng, yêu mến của tác giả đối với vẻ đẹp và những đặc điểm, phẩm chất của <i>bông lau, sậy</i> . <b>Hướng dẫn chấm:</b> - HS trả lời được các từ ngữ thể hiện cảm xúc hoặc trích dẫn những câu văn có chứa yếu tố trữ tình: đạt 0,5 điểm; - HS nhận xét được tình cảm, thái độ của tác giả đạt: 0,5 điểm; - HS có cách diễn đạt tương đương vẫn đạt điểm tối đa.	0,5 0,5
6	Cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong văn bản: + ngôn ngữ giản dị, tự nhiên; gợi hình gợi cảm... + ngôn ngữ giàu chất thơ; giàu cảm xúc, suy tư... <b>Hướng dẫn chấm:</b>	0,5 0,5

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chỉ ra được phép điệp đạt 0,25 điểm;</li> <li>- HS chỉ ra được 01 ý trong tác dụng của phép điệp đạt 0,25 điểm; từ 02 - 03 ý đạt 0,75 điểm;</li> <li>- HS có cách diễn đạt tương đương vẫn đạt điểm tối đa.</li> </ul>	
7	<p>Cảm nhận cái tôi trữ tình của tác giả được thể hiện trong văn bản: cái tôi tài hoa, sâu sắc, giàu trải nghiệm, suy tư, nhạy cảm, tinh tế, yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b> HS có cách diễn đạt tương đương vẫn đạt điểm tối đa.</p>	1,5
<b>II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)</b>		
<b>Đề 1</b>	<b>Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự lựa chọn thân tượng của giới trẻ ngày nay.</b>	<b>4,0</b>
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận; thân bài thực hiện các yêu cầu của đề bài; kết bài khẳng định vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Sự lựa chọn thân tượng trong giới trẻ ngày nay</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận, nêu lí do và quan điểm của bản thân để thuyết phục người khác, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: sự lựa chọn thân tượng trong giới trẻ.</li> <li>* Trình bày về bản chất của vấn đề được bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân tượng: chỉ cá nhân hoặc một nhóm được nhiều người biết đến, yêu thích, hâm mộ, có sức ảnh hưởng lớn đến cộng đồng...</li> <li>- Thực trạng về sự lựa chọn thân tượng trong giới trẻ hiện nay: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lựa chọn nghiêm túc dựa trên các tiêu chuẩn về tài năng, phẩm chất, đạo đức...</li> <li>+ Lựa chọn thiếu sự chọn lọc, thiếu tìm hiểu, dẫn tới những ngộ nhận, sai lầm...</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>* Bàn luận về các khía cạnh của vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác động, ảnh hưởng tích cực của việc lựa chọn đúng thân tượng: tạo động lực phấn đấu, học tập và noi gương theo thân tượng; lan tỏa những giá trị nhân văn, nghĩa cử tốt đẹp tới mọi người, ...</li> <li>- Tác động, ảnh hưởng tiêu cực của việc lựa chọn sai thân tượng: gây nên sự lệch lạc về nhận thức, hành động; thường có biểu hiện quá khích, mất kiểm soát; dễ bị rủ rê, lôi kéo vào các tệ nạn xã hội...</li> <li>- Đề xuất một số định hướng trong việc lựa chọn thân tượng cho giới trẻ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lựa chọn thân tượng là những người nhiều đóng góp tích cực cho cộng đồng, xã hội;</li> <li>+ Nâng cao nhận thức, xây dựng cộng đồng hâm mộ thân thiện, văn minh, không phản ứng thái quá trước các thông tin, bình luận tiêu cực về thân tượng;</li> <li>+ Cần phê phán, lên án, ngăn chặn các thái độ, hành vi trái với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> <p>* Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề</p> <p><b>Lưu ý:</b> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vấn đề cần nghị luận; có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	2,5

	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt <b>Hướng dẫn chấm:</b> Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
<b>Đề 2</b>	<b>Viết bài văn thuyết minh về hiện tượng sống ảo trong giới trẻ ngày nay</b>	<b>4,0</b>
	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về cấu trúc bài văn thuyết minh</i> Mở bài giới thiệu khái quát hiện tượng cần thuyết minh; thân bài thực hiện các yêu cầu của đề bài; kết bài khẳng định vấn đề thuyết minh.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần thuyết minh</i> <i>Hiện tượng sống ảo trong giới trẻ hiện nay</i></p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề thuyết minh</i> HS lựa chọn triển khai thuyết minh theo các trình tự khác nhau tùy vào đặc điểm của hiện tượng được thuyết minh. Có thể theo hướng sau: * Giới thiệu về lối sống ảo trong giới trẻ hiện nay * Thuyết minh về thực chất của hiện tượng sống ảo - Sống ảo là hành động, việc làm xa rời thực tế, tự tạo niềm vui cho riêng mình qua những lượt tương tác trên mạng. - Sống ảo là trào lưu phổ biến của giới trẻ hiện nay. * Thuyết minh về nguyên nhân của hiện tượng sống ảo - Sự phát triển của Internet, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến... mở ra nhiều cơ hội giao lưu, học hỏi, giải trí cho con người. - Giới trẻ ngày nay có xu hướng muốn được tự thể hiện bản thân, mong muốn được trở thành người nổi tiếng, được nhiều người biết đến. * Thuyết minh về hậu quả của lối sống ảo - Khiến giới trẻ lười giao tiếp, thụ động, trầm cảm, tự ti, xa rời cuộc sống thực, tiêu tốn thời gian vào các mối quan hệ ảo... - Ảnh hưởng tới sức khỏe, tinh thần, có thể dẫn tới những hành vi tiêu cực, sai trái... * Thuyết minh về một số giải pháp - Sử dụng mạng xã hội một cách hữu ích và có chừng mực. - Tích cực học tập, rèn luyện bản thân. - Sống hòa đồng, dành nhiều thời gian cho các hoạt động cộng đồng, xã hội. ... * Ý nghĩa của việc thuyết minh: giúp hiểu đúng thực chất, chỉ ra nguyên nhân, thấy được tác hại của hiện tượng sống ảo, để từ đó tìm cách ngăn chặn những tác động tiêu cực của hiện tượng này. <b>Lưu ý:</b> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vấn đề cần nghị luận; có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	2,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
<b>TỔNG</b>		<b>10,0</b>